

104. KINH LÀNG SĀMA (*Sāmagāma Sutta*)¹

41. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn trú ở giữa các vị Sakka (Thích-ca), tại làng Sāma (Xá-di thôn).² Lúc bấy giờ, Nigantha Nātaputta vừa mới tạ thế ở Pāvā. Sau khi vị này tạ thế, các vị Nigantha chia ra làm hai phái, chia rẽ nhau, tranh chấp nhau, tranh luận nhau và tàn hại nhau với binh khí miệng lưỡi. “Ông³ không biết Pháp và Luật này, ta biết Pháp và Luật này. Sao ông có thể biết Pháp và Luật này? Ông theo tà hạnh, ta theo chánh hạnh. Lời nói ta tương ưng, lời nói ông không tương ưng. Điều đáng nói trước, ông nói sau; điều đáng nói sau, ông nói trước. Điều ông quan niệm,⁴ trình bày,⁵ đã bị đảo lộn. Quan điểm của ông đã bị thách đố.⁶ Ông đã bị thuyết bại. Hãy đi giải tỏa quan điểm của ông. Hãy tự thoát khỏi bế tắc⁷ nếu ông có thể làm được!”⁸ Hình như các đệ tử của Nigantha Nātaputta muốn tàn hại lẫn nhau. Chính các đệ tử⁹ cư sĩ mặc đồ trắng của Nigantha Nātaputta cũng chán ngấy, cơ hiềm và phản đối (*paṭivānarūpā*) các Nigantha, vì Pháp và Luật của họ đã được trình bày, tuyên bố một cách vụng về, không có hiệu năng hướng dẫn, không hướng đến an tịnh, không do vị Chánh Đẳng Giác tuyên thuyết, thấp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

42. Rồi Sa-di¹⁰ Cunda, sau khi an cư mùa mưa ở Pāvā, đến thăm Tôn giả Ānanda ở làng Sāma; sau khi đến, đánh lễ Tôn giả Ānanda và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Sa-di Cunda bạch Tôn giả Ānanda:

¹ Xem *D.* III. 207; *A.* III. 334; *Vin.* II. 73. Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Châu-na kinh* 周那經 (*T.*01. 0026.196. 0752c11). Tham chiếu: *Tức tránh nhân duyên kinh* 息諍因緣經 (*T.*01. 0085. 0904b27); *A-tỳ-đạt-ma Tập dị môn túc luận* 阿毘達磨集異門足論 (*T.*26. 1536.7. 0428c16).

² Đoạn nhập đề kinh này giống như kinh *D.* 29, *Pāsādika Suttanta* (*Kinh Thanh tịnh*), xem *D.* III. 117-18. Những tranh chấp nổi lên sau khi Nātaputta mệnh chung được nói đến trong *D.* III. 210.

³ Xem *M.* II. 3; *D.* I. 8; *DB.* I. 14-5.

⁴ *Adhicinna*. Bản Tích Lan viết *avicina*.

⁵ *MA.* IV. 33 viết *cirakālasevanavasena*.

⁶ Xem *M.* II. 122; *S.* I. 160; *Vin.* I. 60.

⁷ *Cara vādappamokkhāya*. *MA.* IV. 33 viết: “Lấy một túi đồ ăn, và đến người này người kia, tìm cách thoát ra khỏi tranh luận.” Nhưng *DA.* I. 91 lại viết: “Hãy đi để làm nguôi cơn giận, hãy đi đây đó để tự tu tập.”

⁸ Hãy từ bỏ lời nói mà đã bị ta bác bỏ. Xem *MA.* IV. 33.

⁹ *Nātaputtiyesu*. *MA.* IV. 33 giải thích là đệ tử của Nātaputta.

¹⁰ Trong *Vin.* IV. 139, *Samañuddesa* đồng nghĩa với *Samañera*. Theo *MA.* IV. 36, Cunda là em trai của Tôn giả Sāriputta.

– Bạch Tôn giả, Nigantha Nātaputta đã từ trần ở Pāvā. Sau khi vị này tạ thế, các Nigantha chia ra làm hai phái... tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.

Khi nghe nói vậy, Tôn giả Ānanda nói với Sa-di Cunda:

– Này Hiền giả Cunda, đây là vấn đề đáng đưa ra để yết kiến Thế Tôn. Này Hiền giả Cunda, chúng ta hãy đi yết kiến Thế Tôn, sau khi đến, chúng ta hãy trình bày vấn đề này để Thế Tôn biết.

– Thừa vâng, Tôn giả.

Sa-di Cunda vâng lời Tôn giả Ānanda. Rồi Tôn giả Ānanda cùng với Sa-di Cunda đi đến yết kiến Thế Tôn, sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, Tôn giả Ānanda bạch Thế Tôn:

– Bạch Thế Tôn, Sa-di Cunda có nói: “Nigantha Nātaputta đã từ trần ở Pāvā. Sau khi vị này từ trần, các vị Nigantha chia ra làm hai phái... tháp y chỉ đã bị đổ vỡ, không có chỗ y chỉ.” Bạch Thế Tôn, con nghĩ như sau: “Sau khi Thế Tôn nhập diệt, chớ để cho tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng. Tranh luận ấy đưa đến sự bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài trời và loài người.”¹¹

43. – Này Ānanda, ông nghĩ thế nào? Những pháp Ta dạy cho các ông với thượng trí, như Bốn niệm xứ, Bốn chánh cần, Bốn như ý túc, Năm căn, Năm lực, Bảy Bồ-đề phần, Thánh đạo tám ngành. Ông có thấy chăng, này Ānanda, có hai Tỷ-kheo đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau?

– Bạch Thế Tôn, những pháp Thế Tôn dạy cho con với thượng trí như Bốn niệm xứ... (như trên)... Thánh đạo tám ngành, con không thấy cho đến hai Tỷ-kheo¹² đối với những pháp này tuyên bố sai khác nhau. Bạch Thế Tôn, và những người nào sống y cứ sùng kính Thế Tôn, những người ấy sau khi Thế Tôn nhập diệt, có thể khởi lên những tranh luận giữa Tăng chúng, hoặc về tăng thượng hoạt mạng, hoặc về tăng thượng Giới bổn (*adhipātimokkha*). Tranh luận ấy đem đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, bất an, đau khổ cho loài trời và loài người.

– Là nhỏ nhất, này Ānanda, là sự tranh luận ấy, tức là [tranh luận] về tăng thượng hoạt mạng hay tăng thượng Giới bổn. Này Ānanda, sự tranh luận khởi lên giữa Tăng chúng về con đường (*magga*) hay về đường hướng tu hành (*paṭipadā*), sự tranh luận ấy mới đưa đến bất an cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài trời và loài người.

44. Này Ānanda, có sáu căn bản tranh chấp này.¹³ Thế nào là sáu? Ở đây, Tỷ-kheo phần nộ, sân hận. Này Ānanda, vị Tỷ-kheo nào phần nộ, sân hận, vị

¹¹ Đoạn cuối này được tìm thấy ở D. III. 246; S. II. 255; A. I. 19; Vin. II. 89.

¹² MA. IV. 37 viết rằng sự tranh luận giữa hai vị Tỷ-kheo được bàn trong chương *Kosambakkhandhaka* (Vin. I. 352ff) phát triển đến nỗi chia thành hai phe nhóm.

¹³ Xem D. III. 246; Vin. II. 89; BD. V. 118.

ấy sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tôn trọng Pháp; sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập. Nay Ānanda, Tỷ-kheo nào sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư... sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập, vị ấy khởi lên tranh luận giữa Tăng chúng. Sự tranh luận nào đưa đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài trời và loài người; nay Ānanda, nếu ông thấy ác căn bản tranh luận như vậy, giữa các ông hay giữa các người khác, ở đây, nay Ānanda, ông phải tinh tấn đoạn trừ ác căn bản tranh luận ấy. Nay Ānanda, nếu ông không thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các ông hay giữa các người khác, ở đây, nay Ānanda, ông phải theo một đường hướng để không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận ấy. Có sự đoạn diệt ác căn bản tranh luận ấy, như vậy mới không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận ấy như vậy.

45. Lại nữa này Ānanda, vị Tỷ-kheo hiềm hận, náo hại... tật đố, xan tham... gian manh, xảo trá... ác dục, tà kiến... chấp thủ thế trí, cố chấp, khó thuyết phục. Nay Ānanda, Tỷ-kheo nào chấp thủ thế trí, cố chấp, khó thuyết phục, vị ấy sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư; sống không cung kính, không tôn trọng Pháp; sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập. Nay Ānanda, vị Tỷ-kheo nào sống không cung kính, không tôn trọng bậc Đạo sư... sống không cung kính, không tôn trọng Tăng chúng, không viên mãn sự học tập, vị ấy khởi lên sự tranh luận giữa Tăng chúng. Sự tranh luận nào đưa đến bất an cho đa số, bất hạnh cho đa số, thất lợi cho đa số, bất an, đau khổ cho loài trời và loài người, nay Ānanda, nếu ông thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các ông hay giữa các người khác; ở đây, nay Ānanda, ông phải tinh tấn đoạn trừ ác căn bản tranh luận ấy. Nay Ānanda, nếu ông không thấy căn bản tranh luận như vậy, giữa các ông hay giữa người khác, ở đây, nay Ānanda, ông phải theo một đường hướng để không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận ấy. Có sự đoạn diệt ác căn bản tranh luận ấy, như vậy mới không có sự tiếp tục diễn tiến đến tương lai về ác căn bản tranh luận như vậy. Những pháp này, nay Ānanda, là sáu căn bản tranh chấp.

46. Nay Ānanda, có bốn tránh sự¹⁴ này. Thế nào là bốn? Tránh sự khởi lên do tranh luận, tránh sự khởi lên do chỉ trích, tránh sự khởi lên do phạm giới tội, tránh sự khởi lên do trách nhiệm (*kiccādhikaraṇaṃ*: Hành tránh sự). Những pháp này, nay Ānanda, là bốn tránh sự.

Nhưng nay Ānanda, có bảy diệt tránh pháp¹⁵ này để giải quyết diệt trừ các tránh pháp thỉnh thoảng khởi lên: Phán quyết với sự hiện diện cần được ban cho¹⁶ (*sammukhāvinayo dātabbo*: Ứng dữ hiện tiền Tỳ-ni), phán quyết ức niệm

¹⁴ *Adhikaraṇa*: Tránh pháp, được giải thích trong *Vin.* II. 88.

¹⁵ Xem *D.* III. 254; *A.* IV. 144.

¹⁶ Về cách giải quyết các tránh pháp này, xem *Vin.* IV. 207; *BD.* III. 153-54.

cần được ban cho (*sativinaya dātabbo*: Ứng dữ ức niệm Tỳ-ni), phán quyết bất si cần được ban cho (*amūḷhavinayo dātabbo*: Ứng dữ bất si Tỳ-ni), quyết định tùy theo thú nhận (*paṭiññāya kāretabbam*), quyết định đa số (*yebhuyyasikā*, đa nhân mịch tội), quyết định tùy theo giới tội người phạm (*tassa pāpiyyasikā*), trái cớ che lấp (*tiṇavatthārako*: Như thảo phủ địa).

47. Nay Ānanda, thế nào là phán quyết với sự hiện diện cần được ban cho?¹⁷ Ở đây, nay Ānanda, các Tỷ-kheo tranh chấp nhau: “Đây là Pháp, hay đây là phi Pháp, hay đây là Luật, hay đây là phi Luật.”¹⁸ Nay Ānanda, tất cả các Tỷ-kheo ấy phải tập hợp hòa hợp với nhau, sau khi tập hợp, pháp quy chế¹⁹ phải được thảo luận, phân tích. Sau khi pháp quy chế được thảo luận, phân tích, ở đây, làm thế nào để đồng nhất đạt được, như vậy tránh sự phải được giải quyết. Như vậy, nay Ānanda, là phán quyết với sự hiện diện. Và như vậy, ở đây, là sự giải quyết một số tránh sự, tức là dùng phán quyết với sự hiện diện.

48. Và nay Ānanda, thế nào là quyết định đa số?²⁰ Nay Ānanda, nếu các Tỷ-kheo kia không có thể giải quyết tránh sự ấy tại trú xứ ấy, thời nay Ānanda, các vị Tỷ-kheo kia cần phải đi đến chỗ trú xứ có nhiều Tỷ-kheo hơn,²¹ tại đấy, tất cả các Tỷ-kheo phải hòa đồng tập hợp lại; sau khi tập hợp, pháp quy chế phải được thảo luận, phân tích. Sau khi pháp quy chế được thảo luận, phân tích, ở đây làm thế nào để đồng nhất đạt được, như vậy tránh sự phải được giải quyết. Như vậy, nay Ānanda, là sự giải quyết một số tránh sự, tức là dùng sự quyết định đa số.

49. Và nay Ānanda, thế nào là phán quyết ức niệm?²² Ở đây, nay Ānanda, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo về một trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di (*Pārājika*), hoặc gần Ba-la-di, nói rằng: “Tôn giả có nhớ Tôn giả đã phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?” Vị ấy trả lời như sau: “Chư Hiền, tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội như vậy, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di.” Như vậy, nay Ānanda, một phán quyết ức niệm cần phải cho Tỷ-kheo ấy. Như vậy, nay Ānanda, là phán quyết ức niệm. Như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh sự, tức là nhờ phán quyết ức niệm.

50. Và nay Ānanda, thế nào là phán quyết bất si?²³ Ở đây, nay Ānanda, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo về một trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di, nói rằng: “Tôn giả có nhớ Tôn giả đã phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?” Vị ấy trả lời như sau: “Chư Hiền, tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội như vậy, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di.” Tỷ-kheo ấy bị [các vị Tỷ-kheo kia] dồn ép, phải thú nhận: “Tôn giả

¹⁷ Xem *Vin.* II. 93.

¹⁸ Xem *Vin.* II. 88.

¹⁹ *PED.* giải thích *netti* = *niyāma*.

²⁰ Xem *Vin.* II. 93ff.

²¹ Nhiều hơn 2 hoặc 3 vị Tỷ-kheo. Xem *MA.* IV. 48.

²² Xem *Vin.* I. 325; II. 79f, 99f; *GS.* I. 85, n. 7.

²³ Xem *Vin.* I. 123; II. 80f, 100.

hãy biết cho rõ ràng, nếu Tôn giả có nhớ có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di.” Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: “Này chư Hiền, tôi đã bị cuồng si, tâm trí tôi điên đảo; do tôi cuồng si như vậy, nhiều việc đã được tôi làm, tôi nói không xứng Sa-môn hạnh. Vì bị cuồng si, tôi không nhớ đã làm như vậy.” Này Ānanda, phán quyết bắt si cần phải cho Tỷ-kheo ấy. Như vậy, này Ānanda, là phán quyết bắt si. Và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh pháp, tức là nhờ phán quyết bắt si.

51. Và này Ānanda, thế nào là quyết định tùy theo thú nhận?²⁴ Ở đây, này Ānanda, bị buộc tội hay không bị buộc tội, Tỷ-kheo nhớ một giới tội, tỏ lộ, trình bày. Tỷ-kheo ấy phải đến một Tỷ-kheo lớn tuổi hơn, đắp y phía một bên vai, đánh lễ chân vị ấy, ngồi gồi hai chân, chấp tay và nói như sau: “Bạch Tôn giả, tôi có phạm giới tội tên như thế này, nay xin sám hối.” Tỷ-kheo kia nói như sau: “Ông có thấy chăng?”

“Tôi có thấy.”

“Ông có gìn giữ trong tương lai không?”

“Tôi sẽ gìn giữ.”

Như vậy, này Ānanda, là quyết định tùy theo thú nhận. Như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh sự, tức là nhờ quyết định tùy theo thú nhận.

52. Và này Ānanda, thế nào là quyết định tùy theo giới tội người phạm?²⁵ Ở đây, này Ānanda, các Tỷ-kheo buộc tội một Tỷ-kheo về một trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di, nói rằng: “Tôn giả có nhớ Tôn giả đã phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?” Vị ấy trả lời như sau: “Chư Hiền, tôi không nhớ tôi đã phạm trọng tội như vậy, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di.” Tỷ-kheo ấy bị [các Tỷ-kheo kia] dồn ép, phải tỏ lộ ra: “Tôn giả hãy biết cho rõ ràng, nếu Tôn giả có nhớ có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di.” Tỷ-kheo ấy trả lời như sau: “Chư Hiền, tôi không có nhớ tôi có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di. Chư Hiền, tôi nhớ tôi có phạm khinh tội như thế này.” Tỷ-kheo ấy bị [các Tỷ-kheo kia] dồn ép, phải tỏ lộ: “Tôn giả hãy biết cho rõ ràng, nếu Tôn giả nhớ có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?” Vị ấy trả lời như sau: “Chư Hiền, dầu không ai hỏi tôi, tôi sẽ thú nhận có phạm khinh tội như thế này, làm sao tôi có thể, khi có người hỏi tôi, lại không thú nhận có phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?” Vị kia nói như sau: “Này Hiền giả, dầu ông có phạm khinh tội này, nếu không hỏi, ông sẽ không thú nhận, làm sao khi đã phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di, nếu có hỏi, ông lại có thể thú nhận? Tôn giả hãy biết rõ ràng, nếu Tôn giả có nhớ có phạm trọng tội như thế này không, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di?” Vị ấy trả lời như sau: “Chư Hiền, tôi có nhớ tôi có phạm trọng

²⁴ Xem *Vin.* I. 325; II. 83.

²⁵ Xem *A.* IV. 347; *Vin.* II. 85f.

tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di. Điều tôi đã nói như vậy là nói chơi, điều tôi đã nói như vậy là để cười (*ravā*). Tôi không có nhớ tôi đã phạm trọng tội như thế này, hoặc Ba-la-di, hoặc gần Ba-la-di.” Như vậy, này Ānanda, là quyết định tùy theo giới tội người phạm. Và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh tội, tức là nhờ quyết định tùy theo giới tội người phạm.

53. Và này Ānanda, thế nào là trái cớ che lấp? Ở đây, này Ānanda, một số Tỷ-kheo sống tranh chấp, tranh cãi, tranh luận với nhau, có nhiều việc đã làm, đã nói không xứng Sa-môn hạnh. Tất cả các Tỷ-kheo ấy phải tập hợp hòa đồng với nhau. Sau khi tập hợp, một Tỷ-kheo thông minh có kinh nghiệm hơn của một phe nhóm Tỷ-kheo, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y về phía một bên vai, chấp tay, bạch Tăng chúng, nói rằng: “Chư Tôn giả, Tăng chúng hãy nghe tôi. Khi chúng tôi sống tranh chấp, tranh cãi, tranh luận với nhau, nhiều việc đã làm, đã nói không xứng Sa-môn hạnh. Nếu Tăng chúng xem là phải thời, tôi xin tỏ lộ bất cứ giới tội nào của các Tôn giả này và bất cứ giới tội nào của tôi. Vì lợi ích cho chư Tôn giả và cũng vì lợi ích cho tự thân, tôi xin tỏ lộ giữa Tăng chúng, như lấy cớ trải ra, trừ các trọng tội,²⁶ trừ các tội liên hệ đến cư sĩ.”²⁷ Rồi một vị Tỷ-kheo thông minh, kinh nghiệm của phe nhóm Tỷ-kheo khác, từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp y về phía một bên vai, chấp tay bạch Tăng chúng, nói rằng: “Chư Tôn giả, Tăng chúng hãy nghe tôi! Khi chúng tôi sống tranh chấp, tranh cãi, tranh luận với nhau... (như trên)... trừ các tội liên hệ đến cư sĩ.” Như vậy, này Ānanda, là trái cớ che lấp. Và như vậy, ở đây là sự giải quyết một số tránh pháp, tức là nhờ trái cớ che lấp.

54. Này Ānanda, có sáu khả niệm pháp này,²⁸ tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Thế nào là sáu? Ở đây, này Ānanda, Tỷ-kheo an trú Từ thân nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh trước chỗ đông người và tại chỗ vắng người; khả niệm pháp này tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Và lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo an trú Từ khẩu nghiệp... (như trên)... đồng nhất. Và lại nữa, này Ānanda, Tỷ-kheo an trú Từ ý nghiệp đối với các vị đồng Phạm hạnh trước chỗ đông người và tại chỗ vắng người; khả niệm pháp này, tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Và lại nữa, này Ānanda, với mọi sở đắc như pháp, mọi lợi dưỡng đúng pháp cho đến những thọ lãnh trong bình bát, Tỷ-kheo là vị san sẻ các lợi dưỡng như vậy, là vị thọ hưởng cùng với các vị đồng Phạm hạnh có giới đức; khả niệm pháp này cũng tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Và lại nữa, này Ānanda, đối với mọi giới luật nào, không sút mẻ, không tỳ, không vết, không ô uế, giải thoát, được người trí tán thán, không chấp thủ, đưa đến thiên định, Tỷ-kheo sống thành tựu

²⁶ MA. IV. 50: Tội *Pārājika* hay *Saṅghādisesa*.

²⁷ MA. IV. 50: Ở đây chỉ cho vị Tỷ-kheo là rầy các cư sĩ.

²⁸ Như M. I. 322.

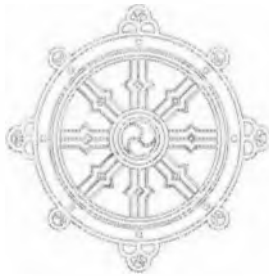
những giới luật như vậy cùng với các vị đồng Phạm hạnh trước chỗ đông người và tại chỗ vắng người; khả niệm pháp này cũng tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa hợp, đồng nhất. Và lại nữa, này Ānanda, đối với mọi tri kiến Thánh thiện, đưa đến xuất ly, dẫn đến sự chơn chánh, đoạn diệt khổ đau cho những ai thực hành theo, Tỷ-kheo sống thành tựu những tri kiến như vậy cùng với các vị đồng Phạm hạnh trước chỗ đông người và tại chỗ vắng người; khả niệm pháp này cũng tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa đồng, đồng nhất.

Này Ānanda, sáu pháp khả niệm này tác thành khả ái, tác thành tôn kính, đưa đến đoàn tụ, không tranh luận, hòa đồng, đồng nhất. Này Ānanda, nếu ông thọ trì và thực hành sáu pháp khả niệm này, thời này Ānanda, ông thấy có những cách nói nào, hoặc tế hoặc thô, khiến ông không có thể kham nhẫn?²⁹

– Thừa không, bạch Thế Tôn.

– Do vậy, này Ānanda, hãy thọ trì và thực hành sáu pháp khả niệm này, như vậy sẽ đưa đến cho ông an lạc và hạnh phúc lâu dài.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, Tôn giả Ānanda hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy.



²⁹ Xem M. I. 129.

